

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 89/2019/HSST

Ngày : 28/6/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/. Ông DƯƠNG HẢI LONG

2/. Bà NGUYỄN THỊ THU THẢO

- **Thư ký phiên tòa**: Ông TRẦN THANH TÀI - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa**: Bà CAO THỊ HỒNG PHƯỢNG - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 6 năm 2019. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2019/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐ-HSST ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BÙI THANH N**. Sinh ngày 20 tháng 5 năm 1998. Nơi sinh: L. Nơi ĐKNKTT: Thôn S, xã S, huyện H, L. Chỗ ở: Thôn S, xã S, huyện H, L. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông: Bùi Trọng Q, sinh năm 1970; Con bà: Võ Thị M, sinh năm 1973. Hiện ở tại: Thôn S, xã S, huyện H, L. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt ngày 18/02/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

Người bị hại: Chị Lê Quỳnh Đoàn T, sinh năm 1997. Hộ khẩu thường trú: 1/2 - Lô D, Khu qui hoạch T, Phường N, thành phố Đ, Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thanh N là người bán sữa đậu nành thuê cho bà Phạm Thị Đức H tại quán sữa đậu trước cửa Trung tâm chăm sóc sức khỏe bà mẹ & trẻ em tỉnh Lâm Đồng ở đường T, Phường N, thành phố Đ, Lâm Đồng. Khoảng 17 giờ 00 ngày 08/02/2019, chị Lê Quỳnh Đoàn T, là con gái bà Hạnh, ra phụ bán sữa đậu với mẹ tại quán sữa, do điện thoại hiệu Iphone 7 Plus của mình bị hết pin nên chị T đem điện thoại vào trong phòng bảo vệ của Trung tâm để sạc pin. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Bùi Thanh N đi vào phòng bảo vệ thì nhìn thấy chiếc điện thoại nói trên nên nảy sinh ý định lấy trộm để đem bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 30 phút sau, N quay lại phòng bảo vệ, lấy chiếc điện thoại, đem cất giấu trên khu vực mái tôn tòa nhà, đến ngày 13/02/2019, N đến lấy điện thoại, đem về phòng trọ ở đường T, Phường B, thành phố Đ, Lâm Đồng cất giấu, sau đó mang xuống Thành phố Hồ Chí Minh để mở khóa Icloud, nhưng do giá mở Icloud cao nên N không mở nữa mà nhắn tin cho chị T để cho chị T chuộc lại điện thoại. Đến ngày 17/02/2019, chị T đồng ý xin chuộc lại điện thoại với giá 6.000.000 đồng thì

N đồng ý. Khoảng 18 giờ ngày 18/02/2019, khi N đang đứng đợi chị T tại Bến xe Phương T ở đường B, Phường B, thành phố Đ, Lâm Đồng thì bị Công an thành phố Đ, Lâm Đồng phát hiện, bắt giữ N và thu giữ chiếc điện thoại Iphone 7 Plus nói trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 148/KL ngày 20/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ, Lâm Đồng xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, giá trị còn lại 80%, trị giá 14.320.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản và trả lại cho chị Lê Quỳnh Đoàn T, chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 12/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo Bùi Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thanh N khai nhận vào tối ngày 08/02/2019, bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự mất cảnh giác của người bị hại, để tài sản trong phòng bảo vệ Trung tâm chăm sóc sức khỏe bà mẹ & trẻ em tỉnh nhưng không có người trông coi, bị cáo đã đột nhập vào phòng và chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus trị giá 14.320.000 đồng với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thanh N đã khai nhận có thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản, lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của bị cáo thực hiện việc lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 14.320.000 đồng, có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thanh N từ 06 đến 09 tháng tù. Phần bồi thường: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản và trả lại cho người bị hại. Hiện nay người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét để giải quyết. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo qui định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thanh N: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng người bị hại mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của mình, đã lén lút để chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động của người bị hại, trị giá tài sản là 14.320.000 đồng với mục đích để bán lấy tiền sử dụng cho nhu cầu cá nhân là hành vi trái pháp luật, xâm hại trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là người chủ động và trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản vì mục đích tư lợi, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Thanh N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm đối với bị cáo được quy định tại điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo không vi phạm vào tình tiết định khung tăng nặng nào theo quy định tại điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, vì vậy bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt theo quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi bị phát hiện, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đồng thời được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét bị cáo là người không có việc làm và không có nơi cư trú ổn định, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện giáo dục và cải tạo đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản và trả lại cho người bị hại. Hiện nay người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, vì vậy không tiếp tục xem xét để giải quyết phần trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và người bị hại trong bản án này.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm:

+ Một điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, Cơ quan điều tra đã có Quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho người bị hại nên không đề cập để xử lý tiếp.

+ Một điện thoại di động hiệu HUAWEI Y7 Pro 2018, màu đen-xanh (đã qua sử dụng); 01 Chứng minh nhân dân; 01 Giấy phép lái xe; 03 Thẻ ATM của các Ngân hàng ACB; BIDV và Ngân hàng Techcombank; 01 Thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Bùi Thanh N và 01 bóp giả da màu nâu, hình chữ Nhật, có chữ VERSACE, xét các vật chứng này là giấy tờ tùy thân và tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] . Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo: Bùi Thanh N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2019.

[3] . Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho bị cáo: 01 bóp giả da màu nâu, hình chữ Nhật, có in chữ VERSACE; 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI Y7 Pro 2018, màu đen - xanh đậm, số IMEI: 869572031170259 và 869572031170267 (đã qua sử dụng); 01 Giấy phép lái xe số 660166010655 mang tên Bùi Thanh N; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thanh N; 03 Thẻ ATM của các Ngân hàng BIDV, ACB và Techcombank mang tên mang tên Bùi Thanh N và 01 Thẻ bảo hiểm y tế mang tên Bùi Thanh N.

(Các vật chứng có đặc điểm cụ thể như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/6/2019 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

[4] . Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về lệ phí, án phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] . Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trình